



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMCERTS 099

Trụ sở chính: Số nhà N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50A, ngách 165/23, đường Dương Quảng Hàm, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã hóa mẫu: KT2026.03/659

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER
Địa chỉ : Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : Tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói lò hơi Tương ứng với ống khói thải chung (sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 01 và lò hơi số 02)
Tọa độ: X = 2333847; Y = 559679;
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 21/03/2026 Thời gian phân tích: 21/03/2026 đến 08/04/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả KT-01	QCVN 19:2009/BTNMT		Phương pháp
				C(Cột B)	Cmax	
1	Lưu lượng khí thải ^(b)	m ³ /h	38962,8	-	-	US EPA 02
2	Áp suất ^(b)	kPa	101,5	-	-	IESH/SOP/KT/ĐN.06
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	152			
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	23,8	200	180	US EPA 05
5	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	<2	7,5	6,75	JIS K 0108:2010
6	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	197,02	500	450	IESH/SOP/QTHT-KT.01
7	NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	196,71	850	765	
8	CO ^(b)	mg/Nm ³	192,58	1000	900	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi người lấy mẫu và có sự giám sát bởi khách hàng;

- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;

- **Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép (Cmax) trong khí thải công nghiệp đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch

vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007. Trong đó Cmax được tính như sau:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.	Mã hóa phiếu
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	IESH.2026.04.08/427

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligan trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3)

C là giá trị nồng độ tối đa cho phép của chất ô nhiễm quy định trong QCVN 19:2009/BTNMT

K_p (hệ số theo lưu lượng nguồn thải) = 0,9

K_v (hệ số vùng theo quy định) = 1 (Cụm công nghiệp Tân Chi)

- Số phiếu phát hành: Ba bản (03);

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

VIỆN TRƯỞNG

PHÒNG QT&PT
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

Th.S Nguyễn Thị Thúy

CN. Hoàng Thị Lưu Ly



PGS.TS Nguyễn Thị Phương Thảo

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

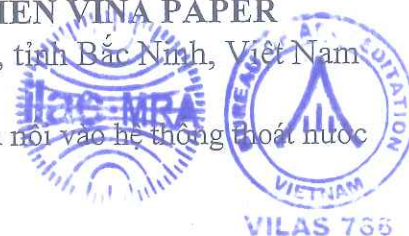
Mã hóa phiếu

IESH.2026.04.08/427

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã hóa mẫu: NT2026.03/660

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINA PAPER**
 Địa chỉ : **Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**
 Loại mẫu : **Nước thải**
 Vị trí lấy mẫu : **Sau hệ thống xử lý nước thải, tại điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Tân Chi.**
 (Tọa độ: X = 2333712; Y = 559665)
 Số lượng mẫu : **01**
 Thời gian lấy mẫu : **21/03/2026** Thời gian phân tích: **21/03/2026 đến 08/04/2026**



STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/BTNMT Cmax	QCVN 40:2011/BTNMT Cmax	Phương pháp
			NT-01			
1	Nhiệt độ (thực địa) ^(b)	°C	32,6	40	-	SMEWW 2550B:2023
2	pH (thực địa) ^(b)	-	7,39	6-9	-	TCVN 6492:2011
3	Độ màu ^(ab)	mg/L	39	49,5	-	TCVN 6185(C):2015
4	BOD ₅ ^(b)	mg/L	24,6	29,7	-	TCVN 6001-1:2021
5	COD ^(ab)	mg/L	44,8	74,25	-	SMEWW 5520C:2023
6	TSS ^(ab)	mg/L	23	49,5	-	TCVN 6625:2000
7	NH ₄ ⁺ - N ^(ab)	mg/L	3,93	-	4,5	TCVN 6179-1:1996
8	Tổng N ^(b)	mg/L	7,8	-	18	TCVN 6638:2000
9	Tổng P ^(ab)	mg/L	0,11	-	3,6	TCVN 6202:2008
10	As ^(b)	mg/L	<0,0063	-	0,045	US EPA 200.7
11	Hg ^(*)	mg/L	<0,0003	-	0,0045	US EPA Method 200.8
12	Pb ^(b)	mg/L	<0,0075	-	0,09	US EPA 200.7
13	Cd ^(b)	mg/L	<0,0039	-	0,045	US EPA 200.7

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
 2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu

IESH.2026.04.08/428

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 12-MT:2015/BTNMT Cmax	QCVN 40:2011/BTNMT Cmax	Phương pháp
			NT-01			
14	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	<3	-	4,5	SMEWW 5520 B&F:2023
15	Coliform ^(b)	MPN/100mL	1500	-	2700	SMEWW 9221 B:2023

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi người lấy mẫu và có sự giám sát bởi khách hàng;

- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- ^(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao *Vimcerts 229*;
- **QCVN 12-MT:2015/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- Số phiếu phát hành: Ba bản (03);

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 202

PHÒNG QT&PT
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC



Th.S Nguyễn Thị Thúy

CN. Hoàng Thị Lưu Ly

PGS.TS Nguyễn Thị Phương Thảo

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu

IESH.2026.04.08/428



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMCERTS 099

Trụ sở chính: Số nhà N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50A, ngách 165/23, đường Dương Quang Hàm, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã hóa mẫu: CR2026.03/661

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HENA PAPER
Địa chỉ : Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Chất thải rắn
Vị trí lấy mẫu : CTR01-Mẫu bột giấy thứ cấp; (Tọa độ: X = 2333762; Y = 559664)
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 21/03/2026 Thời gian phân tích: 21/03/2026 đến 08/04/2026

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 07: 2025/BNNMT	Phương pháp
				Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))	
			CTR01		
1	pH ^(b)	-	7,28	-	US EPA 9040C+ US EPA 9045D
2	Antimon/Sb ^(b)	mg/L	<0,012	≥ 15	US EPA 1311+ US EPA 200.7
3	Bari/Ba ^(b)	mg/L	<0,009	≥ 100	
4	Cadimi/Cd ^(b)	mg/L	<0,012	≥ 1,0	
5	Asen/As ^(b)	mg/L	<0,012	≥ 5,0	
6	Niken/Ni ^(b)	mg/L	<0,009	≥ 70	
7	Chì/Pb ^(b)	mg/L	<0,009	≥ 5,0	
8	Tổng Crôm /Cr ^(b)	mg/L	<0,012	≥ 5,0	
9	Selen/Se ^(b)	mg/L	<0,012	> 1,0	
10	Tali/Tl ^(b)	mg/L	<0,012	≥ 7,0	
11	Vanadi/V ^(b)	mg/L	<0,009	≥ 25	
12	Coban/Co ^(b)	mg/L	<0,009	≥ 80	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi người lấy mẫu và có sự giám sát bởi khách hàng;

- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- <: Nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- **QCVN 07: 2025/BNNMT**: Quy Chuẩn Kỹ thuật Quốc Gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- Số phiếu phát hành: Ba bản (03);

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

PHÒNG QT&PT
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG



Th.S Nguyễn Thị Thúy

CN. Hoàng Thị Lưu Ly

PGS.TS Nguyễn Thị Phương Thảo

- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu

IESH.2026.04.08/429

